

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc niêm yết công khai danh sách học sinh thuộc diện chính sách học kỳ II năm học 2025-2026

Căn cứ nghị định số 238/2025/ N Đ-CP ngày ngày 03/09/2025 của Chính phủ

Căn cứ nghị định số 105 /2020 / N Đ-CP ngày ngày 27/8/2021 của Chính phủ

Căn cứ công văn số 2128/SGD&ĐT –TC &ĐTGD ngày 7/9/2023 của sở giáo dục và đào tạo Nghệ An về việc thực hiện mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập năm học 2023-2024;

Căn cứ công văn số 2566/SGD&ĐT –TC &ĐTGD ngày 5/9/2025 của sở giáo dục và đào tạo Nghệ An về việc hướng dẫn công tác quản lý thu, chi năm học 2025-2026 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGD ngày 03 tháng 06 năm 2024;

Xét đề nghị của kế toán trường Mầm Non Diễn Bích,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai danh sách công khai danh sách học sinh thuộc diện chính sách học kỳ I năm học 2025-2026 ( ăn trưa, chi phí học tập) từ tháng 9 đến tháng 12/2025; của Trường Mầm Non Diễn Bích. (Có biểu mẫu chi tiết kèm theo)

**Điều 2.** Thời gian 30 ngày, từ ngày 13 tháng 10 năm 2025 đến ngày 12 tháng 11 năm 2025.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Kế toán đơn vị và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Lưu: VT, KT.



## THÔNG BÁO

### Về việc niêm yết công khai danh sách học sinh thuộc diện chính sách học kỳ II năm học 2025-2026

Căn cứ nghị định số 238/2025/ N Đ-CP ngày ngày 03/09/2025 của Chính phủ

Căn cứ nghị định số 105 /2020 / N Đ-CP ngày ngày 27/8/2021 của Chính phủ

Căn cứ công văn số 2128/SGD&ĐT –TC &ĐTGD ngày 7/9/2023 của sở giáo dục và đào tạo Nghệ An về việc thực hiện mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập năm học 2023-2024;

Căn cứ công văn số 2566/SGD&ĐT –TC &ĐTGD ngày 5/9/2025 của sở giáo dục và đào tạo Nghệ An về việc hướng dẫn công tác quản lý thu, chi năm học 2025-2026 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGD ngày 03 tháng 06 năm 2024;

Trường MN Diễn Bích thông báo niêm yết:

- Công khai danh sách học sinh thuộc diện chính sách học kỳ I năm học 2025-2026 tháng 9 đến tháng 12/2025(Có danh sách kèm theo )

### 1. Hình thức, địa điểm và thời gian niêm yết công khai

#### 1.1 Hình thức, địa điểm:

- Báo cáo trước hội đồng giáo viên
- Niêm yết tại bảng công khai trên zalo của nhà trường
- Công Website nhà trường

#### 2.2 Thời gian:

- Thời gian niêm yết: kể từ 17h ngày 13/10/2025 đến 17h ngày 12/11/2025

2. Yêu cầu: Toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên và phụ huynh xem bảng niêm yết và nội dung công khai có điều gì phản ánh, kiến nghị sẽ phản ánh về tổ công khai (Có thể góp ý trực tiếp hoặc bằng văn bản

Nơi nhận:

- BGH
- Lưu VT



**DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ĂN TRƯA**  
Tháng 9 đến tháng 12 năm 2025  
(Dùng cho cơ sở giáo dục mầm non)

| TT         | Họ và tên          | Ngày tháng năm sinh | Số tiền hỗ trợ/tháng | Đối tượng                                                                                    |                                                                                        |                                                                                   | Số tháng | Kinh phí hỗ trợ (nghìn đồng) | Ghi chú |
|------------|--------------------|---------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------|---------|
|            |                    |                     |                      | Trẻ em có cha hoặc có mẹ hoặc có người chăm sóc trẻ em hoặc trẻ em thường trú ở xã, thôn ĐBK | Không có nguồn nuôi dưỡng theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP | Trẻ em là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, trẻ khuyết tật |          |                              |         |
| 1          | Trần Văn Lộc       | 30/06/2020          | 160.000              |                                                                                              |                                                                                        | 1                                                                                 | 4        | 640.000                      | Lớn A   |
| 2          | Trần Quốc Nhật     | 28/05/2020          | 160.000              |                                                                                              |                                                                                        | 1                                                                                 | 4        | 640.000                      | Lớn A   |
| 3          | Nguyễn Đức Hậu     | 11/05/2020          | 160.000              |                                                                                              |                                                                                        | 1                                                                                 | 4        | 640.000                      | Lớn B   |
| 4          | Nguyễn Quốc Khánh  | 21/05/2020          | 160.000              |                                                                                              |                                                                                        | 1                                                                                 | 4        | 640.000                      | Lớn B   |
| 5          | Lê Hữu Phước       | 23/09/2020          | 160.000              |                                                                                              |                                                                                        | 1                                                                                 | 4        | 640.000                      | Lớn E   |
| 6          | Nguyễn Hoàng Phong | 06/05/2021          | 160.000              |                                                                                              |                                                                                        | 1                                                                                 | 4        | 640.000                      | Nhỡ C   |
| 7          | Thái Thị Trang     | 12/06/2020          | 160.000              |                                                                                              |                                                                                        | 1                                                                                 | 4        | 640.000                      | Lớn D   |
| 8          | Hoàng Thị Xuân Mai | 04/02/2020          | 160.000              |                                                                                              |                                                                                        | 1                                                                                 | 4        | 640.000                      | Lớn G   |
| 9          | Hoàng Hải Quân     | 28/06/2020          | 160.000              |                                                                                              |                                                                                        | 1                                                                                 | 4        | 640.000                      | Lớn G   |
| 10         | Trần Thị Thanh Lam | 07/11/2021          | 160.000              |                                                                                              |                                                                                        | 1                                                                                 | 4        | 640.000                      | Nhỡ B   |
| 11         | Hoàng Trung Nguyên | 09/12/2022          | 160.000              |                                                                                              |                                                                                        | 1                                                                                 | 4        | 640.000                      | Bé A    |
| 12         | Thái Bá Thuận      | 23/01/2022          | 160.000              |                                                                                              |                                                                                        | 1                                                                                 | 4        | 640.000                      | Bé A    |
| 13         | Vũ Lê Trà My       | 19/09/2022          | 160.000              |                                                                                              |                                                                                        | 1                                                                                 | 4        | 640.000                      | Bé B    |
| 14         | Tăng Gia Huy       | 04/01/2023          | 160.000              |                                                                                              |                                                                                        | 1                                                                                 | 4        | 640.000                      | NTA     |
| Tổng cộng: |                    |                     |                      |                                                                                              |                                                                                        | x                                                                                 | x        | 8.960.000                    |         |

Số tiền bằng chữ: (Tám triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn)

KẾ TOÁN

  
Đâu Thị Thương

Diễn Bích, ngày 10 tháng 10 năm 2025



Đơn vị : Trường MN Diễn Bích

**Tổng hợp nhu cầu hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ - CP****Học kỳ I năm học 2025-2026**

(Kèm theo Công văn số /09/2025 của UBND Xã Diễn Châu)

**(Tháng 9 đến tháng 12 học kỳ I năm học 2025-2026)****Đơn vị tính đồng**

| TT | Họ và tên          | Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập                                          |                                                                  |                                                                         | Số tháng được hưởng | Số tiền hỗ trợ/tháng | Nhu cầu kinh phí hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2023-2024 | Ghi chú |
|----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------|---------|
|    |                    | Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông (bố mẹ có hộ khẩu thường trú tại xã) | Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông bị tàn tật, khuyết tật | Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo |                     |                      |                                                                    |         |
| 1  | 2                  | 3                                                                              | 4                                                                | 5                                                                       | 6                   | 7                    | 8                                                                  |         |
| 1  | Nguyễn Đức Hậu     |                                                                                | x                                                                |                                                                         | 4                   | 150 000              | 600 000                                                            | Lớn B   |
| 2  | Tăng Gia Huy       |                                                                                |                                                                  | x                                                                       | 4                   | 150 000              | 600 000                                                            | NTA     |
| 3  | Lê Hữu Phước       |                                                                                |                                                                  | x                                                                       | 4                   | 150 000              | 600 000                                                            | Lớn E   |
| 4  | Trần Thị Thanh Lam |                                                                                |                                                                  | x                                                                       | 4                   | 150 000              | 600 000                                                            | Nhỡ B   |
|    | <b>Tổng cộng</b>   |                                                                                | x                                                                | x                                                                       | x                   | x                    | 2 400 000                                                          |         |

**Ghi chú :** Học sinh thuộc đối tượng chính sách nào thì đánh dấu nhân vào cột tương ứng

Diễn Bích, ngày 13 tháng 09 năm 2025

Kế Toán

  
 Đâu Thị Thương

Hiệu trưởng



Trần Thị Duyên